|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II****Tổ Văn- Sử** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2022 – 2023****MÔN: NGỮ VĂN 8** |

**Phần I: Văn bản**

Nắm được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, bài học, các chi tiết đặc sắc và nghệ thuật nổi bật của các văn bản:

1. Ông đồ (Vũ Đình Liên)
2. Khi con tu hú (Tố Hữu)
3. Quê hương (Tế Hanh)

**Phần II: Tiếng Việt**

Nhận diện và thực hành: Các kiểu câu chia theo mục đích nói

**Phần III: Viết**

1. Viết đoạn văn có sử dụng các kiểu câu chia theo mục đích nói
2. Kiểu bài thuyết minh:
3. Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh: Vịnh Hạ Long, chùa Yên Tử
4. Thuyết minh về con vật nuôi: con trâu VN

**GỢI Ý**

**Phần I: Văn bản**

1. **Ông đồ (Vũ Đình Liên)**
2. ***Giá trị nội dung:*** Bài thơ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm cảm thương, nuối tiếc của tác giả đối với một lớp người, một nét văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
3. ***Giá trị nghệ thuật:***

- Thể thơ ngũ ngôn phù hợp với lối kể chuyện và diễn tả tâm tình.

- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, tương phản, bút pháp tả cảnh ngụ tình

- Ngôn ngữ, hình ảnh trong sáng, bình dị nhưng hàm súc giàu sức gợi cảm..

1. **Khi con tu hú (Tố Hữu)**

***a) Giá trị nội dung:*** Bài thơ giúp người đọc cảm nhận được lòng yêu sự sống, niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi đang bị giam cầm trong hoàn cảnh ngục tù.

***b) Giá trị nghệ thuật***

-Lời thơ giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển.

-Lời thơ đầy ấn tượng, hình ảnh thơ giàu sức gợi, cách miêu tả đặc sắc

-Sử dụng các biện phát tu từ điệp ngữ, liệt kê

1. **Quê hương (Tế Hanh)**

***a) Giá trị nội dung***

- Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển.Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động chài lưới.

- Qua đó cho thấy tình yêu quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

***b) Giá trị nghệ thuật***

-Giọng thơ mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm.

-Hình ảnh so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao, phép nhân hóa.

-Phép ẩn dụ, đảo trật tự từ trong câu.

-Hàng loạt động từ mạnh, tính từ, phép liệt kê.

-Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm.

**Phần II: Tiếng Việt**

Nhận diện và thực hành các kiểu câu chia theo mục đích nói

**1. Câu nghi vấn**

***a. Đặc điểm hình thức***

   - Có các từ nghi vấn:*ai, gì, nào, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, (có) … không, (đã) … chưa*hoặc có từ *“hay”* ( nối các quan hệ lựa chọn)

   - Khi viết, câu nghi vấn thường kết thúc bằng ***dấu chấm hỏi (?)***

   - Nếu không dùng để hỏi thì có thể kết thúc bằng***dấu chấm (.), dấu chấm than (!)*** hoặc ***dấu chấm lửng (…)***

***b. Chức năng:***

   - Chức năng chính dùng để ***hỏi***

   - Ngoài ra còn dùng để***cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc…,***không yêu cầu người đối thoại trả lời

**Ví dụ:**

**\* Chức năng dùng để hỏi:**

   *Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo:*

   *- U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?* (Tắt đèn- Ngô Tất Tố)

   -> Câu nghi vấn có chức năng hỏi: *U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?.*

**\* Chức năng dùng để cầu khiến:**

   *An nói với Hoàng:*

   *- Cậu có thể mở cửa giúp tớ được không?*

   *Hoàng trả lời:*

   *- Được cậu.*

   -> Câu nghi vấn có chức năng cầu khiến (có yêu cầu và đáp lại): *Cậu có thể mở cửa giúp tớ được không?.*

**\*Chức năng dùng để khẳng định**

   - *Ai dám bảo chúng tôi****không****hạnh phúc?*

   -> Câu nghi vấn có chức năng khẳng định (thường không có câu trả lời):

**\*Chức năng dùng để phủ định**

   *- Sao cậu không học bài thế?*

   -> Câu nghi vấn có chức năng phủ định (thường không có hoặc có câu trả lời):

**\* Chức năng dùng để đe doạ**

   *- Con có học bài không thì bảo?*

   -> Câu nghi vấn có chức năng đe dọa (thường không có câu trả lời):

**\*Chức năng dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc**

   *- Sao nay mệt thế?*

   -> Câu nghi vấn có chức năng bộc lộ tình cảm, cảm xúc (thường không có câu trả lời):

**2. Câu cầu khiến**

***a. Đặc điểm hình thức***

- Có các từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, …đi, thôi, nào…hay ngữ liệu cầu khiến

- Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than (!)

- Nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm (.)

***b. Chức năng:***

- Chức năng dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo…

 **Ví dụ:**

-Chức năng ra lệnh: *Nghiêm! Chào cờ! Chào!*

- Chức năng yêu cầu: *Xin đừng đổ rác !*

- Chức năng đề nghị: *Đề nghị mọi người giữ trật tự.*

- Chức năng khuyên bảo:

      *Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang*

   *Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.*

**3. Câu cảm thán**

***a. Đặc điểm hình thức***

   - Có các từ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ơi (ôi), trời ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào…

   - Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng **dấu chấm than (!)**

***b. Chức năng:***

   - Chức năng dùng để **bộc lộ trực tiếp cảm xúc**của người nói (người viết): vui, buồn, mừng, giận…

   - Thường xuất hiện trong ngôn ngữ hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.

 **Ví dụ:**

- Trời ơi! Mệt mỏi quá! (Cảm xúc mệt mỏi)

- Thương thay cho những người nô lệ! (Thương cảm)

- Hôm nay, đội bóng mình thua. Đau đớn thật! (Xót xa, đau đớn)

- U23 đá quá đỉnh (Khen ngợi)

**4. Câu trần thuật**

***a) Đặc điểm hình thức***

   - Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.

   - Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán

   - Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng **dấu chấm (.)**

   - Đôi khi nó được kết thúc bằng**dấu chấm than (!)** hoặc **dấu chấm lửng (…)**

***b) Chức năng:***

   - Chức năng chính dùng để**kể, thông báo, nhận định, miêu tả…**

   - Ngoài ra còn dùng để **yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc…**(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)

### Ví dụ:

**\*Chức năng dùng để kể:**

   *Em buộc con dao díp vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thủy lại “võ trang” cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thủy không chịu đựng nổi.*

 (*Cuộc chia tay của những con búp bê* – Khánh Hoài)

   **\*Chức năng dùng để thông báo:**

   *An nói với Hoàng:*

   *- Sáng mai lớp mình sẽ được nghỉ học đấy.*

   \***Chức năng dùng để nhận định:**

   *Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương: không bao giờ ta thương...*

 (*Lão Hạc* – Nam Cao)

**\*Chức năng dùng để miêu tả:**

   *Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Ðôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Ðôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.*

\* **Chức năng dùng để yêu cầu, đề nghị:**

*NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG*

   *1. Kính trọng, lễ phép với thầy cô, cán bộ CNV. Giúp đỡ bạn bè trong học tập và rèn luyện hạnh kiểm.*

   *2. Thuộc bài và làm bài đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên bộ môn trước khi lên lớp.*

   *3. Có ý thức bảo vệ tài sản chung của nhà trường, giữ gìn vệ sinh và cảnh quang môi trường XANH - SẠCH - ĐẸP.*

   *4. Tuyệt đối không uống rượu bia, hút thuốc lá và dùng các chất kích thích khác….*

   \***Chức năng dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc**

   *Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi.*

 (*Bài học đường đời đầu tiên* – Tô Hoài)

**Phần III: Viết**

* 1. **Viết đoạn văn có sử dụng các kiểu câu chia theo mục đích nói**

(1) Cảm nhận về hai câu thơ trong bài *“Ông đồ*” – Vũ Đình Liên

*Giấy đỏ buồn không thắm*

 *Mực đọng trong nghiên sầu*

 (*Ông đồ*-Vũ Đình Liên)

Gợi ý:

-Giấy, mực tàu là những hình ảnh quen thuộc gắn liền với kẻ sĩ ngày xưa, giấy đỏ, nghiên mực và bàn tay tài hoa của người viết, làm nên nghệ thuật thư pháp, một nét đẹp văn hoá đã có từ bao đời.

Thế mà nay “*Giấy đỏ buồn không thắm*”, còn “*Mực đọng trong nghiên sầu”.*

-Nghệ thuật nhân hoá, Vũ Đình Liên đã thổi hồn cho những vật vô tri ấy để giấy, mực cũng mang nỗi buồn sầu của tâm trạng con người:

+Vì không có người thuê viết, những tờ giấy đỏ cứ phơi ra đấy chẳng ai thèm để ý nên cũng ủ ê, màu đỏ của nó trở thành vô duyên nhạt nhoà.. Giấy cũng mang nỗi buồn trĩu nặng lòng người.

+Nghiên mực không được chiếc bút lông chấm vào, nên mực lặng lẽ, nỗi buồn không nói, cũng đọng lại với nỗi sầu khôn tả.

-> Nỗi buồn từ lòng người đã lan tỏa cả không gian, thấm đượm cả vào những vật vô tri. Hai thanh nặng ở chữ “*đọng*” chữ “*mực*” kết hợp với thanh bằng ở cuối câu khiến câu thơ trĩu xuống, nỗi buồn như chồng chất, dày thêm.

Tóm lại, hình ảnh thơ đã thể hiện nỗi buồn sâu sắc và man mác của tác giả, của thời thế về sự chuyển giao của xã hội, ông đồ và những lớp người xưa cũ bị lãng quên.

(2) Cảm nhận về bức tranh mùa hè qua đoạn thơ sau:

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*

*Vườn râm dậy tiếng ve ngân*

*Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào*

*Trời xanh càng rộng càng cao*

*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không*…

 (*Khi con tu hú* – Tố Hữu)

Gợi ý:

- Thời gian: hè đến
-  Không gian: rộng lớn: cánh đồng, khu vườn, bầu trời cao rộng,...
- Âm thanh: Tiếng tu hú, tiếng ve ngân.
- Hình ảnh: Lúa chiêm đang chín, trái cây đượm ngọt, bắp vào độ thu hoạch, cánh diều cao vút,...
- Màu sắc: Sắc vàng của lúa, của bắp, màu hồng của nắng đào, sắc xanh cây lá, …

 Hương vị: Vị thơm của lúa bắp, vị ngọt của trái cây, hương nắng,...
=> Bức tranh trong tâm tưởng về mùa hè tươi đẹp, thanh bình, giàu sức sống của người chiến sĩ trong cảnh tù đày => Tình yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả.

(3) Cảm nhận về hai câu thơ:

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*

 (*Quê hương* – Tế Hanh)

Gợi ý:

- Biện pháp nhân hoá:

 +Con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người

+ Các từ: *“im, mỏi, trở về, nằm*” cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua từ "*nghe":* Gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào “da thịt” của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dạn lên bấy nhiêu.

+ Tác giả nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển.

->Hai câu thơ cho thấy sự tinh tế và tình yêu quê hương tha thiết của Tế Hanh.

**2. Thuyết minh về danh lam thắng cảnh:**

**Đề 1: Thuyết minh về con vật nuôi (con trâu Việt Nam)**

***1. Mở bài:*** Dẫn dắt, giới thiệu sơ lược về con trâu (loài vật thân quen trên đồng ruộng, bạn của nhà nông, gắn bó với cơ nghiệp của người nông dân qua nhiều thế hệ,…).

***2. Thân bài:***

a) *Giới thiệu nguồn gốc:* Trâu ở nước ta thuộc nhóm trâu đầm lầy, xuất xứ từ trâu rừng được thuần hóa. Việc thuần hóa trâu rừng để dùng trong nông nghiệp đã được người Việt cổ thực hiện từ cách đây khoảng hơn 4000 năm.

***3) Đặc điểm:***

-Động vật lớp thú. cân nặng từ 200 đến 800 kg

-Động vật nhai lại, có dạ dày 4 túi.

-Thức ăn chủ yếu: các loại có xanh, rơm rạ,…

-Ngoại hình: có 2 sừng dài nhọn, dáng sừng hình lưỡi liềm, thân hình to khỏe, da lông thường có màu xám hoặc đen, đầu to và ngắn,…

-Khả năng sinh sản: kém, thông thường là 2 lứa/3 năm, mỗi lứa chỉ 1 con.

**c) *Tác dụng:***

-Cung cấp sức kéo dùng trong cày ruộng, kéo xe.

-Cung cấp thịt dùng trong ẩm thực.

-Da và sừng được dùng trong thủ công mỹ nghệ, sản xuất các sản phẩm thuộc da.

***d) Ý nghĩa của***

* Là người bạn trung thành, thân thiết của nhà nông.
* Là một trong những biểu tượng của nền nông nghiệp Việt Nam.
* Làm nên những nét đặc sắc cho văn hóa nước nhà (các phong tục, lễ hội,…).
* Khơi gợi nguồn cảm hứng vô tận cho văn học, thơ ca quê hương.

**3. Kết bài:** Tổng kết cảm nghĩ và nhận định cá nhân về con trâu (loài vật có ích, thân thuộc, đóng vai trò quan trọng…). Đưa ra lời khuyên, lời kêu gọi bảo vệ, gìn giữ loài vật này.

**Đề 2: Thuyết minh về danh lam thắng cảnh**

1. **Vịnh Hạ Long**

**1. Mở bài**: Giới thiệu về danh lam thắng cảnh (Vịnh Hạ Long)

**2. Thân bài:**

***a) Vị trí địa lí, lịch sử hình thành***

\* Vị trí: Vịnh Hạ Long nằm tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

\*Lịch sử hình thành:

-Theo truyền thuyết: Nước Việt bị giặc ngoại xâm lược, Ngọc Hoàng cho Rồng mẹ mang theo rồng con giúp nước Việt.

Có truyền thuyết nói rằng khi nước ta bị xâm lược thì có một con rồng cuộn mình tạo nên bức tường thành vững chắc ngăn giặc ngoại xâm.

-Theo địa lí học: thì đây là do kiến tạo địa chất

***b) Cảnh quan Vịnh Hạ Long***

*\*Cảnh quan của Vịnh Hạ Long*

- Kết cấu vịnh Hạ Long ở bên trong và bên ngoài :

+ Có gần 2000 hòn đảo lớn nhỏ, chủ yếu đảo đá vôi và đảo phiếm thạch: Hòn Gà Chọi, Hòn Con Cóc, Đảo Ngọc Vừng, Đảo Ti Tốp, Đảo Tuần Châu

+Nhiều hang động còn mang vẻ hoang sơ, kỳ vĩ của thiên nhiên như như Hang Trống, hang Trinh Nữ.. động Thiên Cung, hang Sửng Sốt, Hang Đầu Gỗ…

- Các hệ sinh thái: Đa dạng sinh thái với rừng ngập mặn, rặng san hô, rừng cây nhiệt đới và rất nhiều động thực vật quý hiếm khác….

- Du lịch Vịnh Hạ Long: Du khách có thể dùng thuyền đi thưởng ngoạn, khám phá thiên nhiên, hang động, núi non. ( có thể giới thiệu cụ thể 1 hang động nào đó…)

Vui chơi tại nhiều bãi tắm đẹp như Bãi Cháy, bãi Bái Tử Long, Cô Tô, Ti Tốp…

-Văn hóa ẩm thực đa dạng: Hải sản tươi ngon…..., hấp dẫn du khách.

- Vịnh Hạ Long được công nhận là Di sản Việt Nam và thế giới.

***c) Ý nghĩa của danh lam thắng cảnh (Vịnh Hạ Long)***

+ Gắn liền với lịch sử chống giặc ngoại xâm như sông Bạch Đằng, núi Bài Thơ, bến Vân Đồn.

-Là di sản văn hóa của thế giới, là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam

-Là nơi du lịch nổi tiếng của nước ta và các du khách quốc tế

-Là nơi có vẻ đẹp hùng vĩ, một kiệt tác của thiên nhiên

**3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về danh lam thắng cảnh (Vịnh Hạ Long)

1. **Chùa Yên Tử:**

***1. Mở bài:*** *Giới thiệu khát quát về danh lam thắng cảnh*

***2. Thân bài:***

*a. Giới thiệu vị trí:*  Nằm ở xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh)….

*b. Nguồn gốc lịch sử:*

*-* Trong lịch sử, Yên Tử luôn là một trong những trung tâm Phật giáo của cả nước, gắn với nhiều kiến trúc cổ, được xây dựng qua các thời kỳ lịch sử khác nhau (Lý, Trần, Lê, Nguyễn).

+ Vào thời Lý, đã có chùa thờ Phật, gọi là chùa Phù Vân. Đạo sĩ Yên Kì Sinh đã tu đắc đạo ở đây.

+ Yên Tử thực sự là trung tâm Phật giáo của cả nước vào thời Trần Nhân Tông, với thiền phái Trúc Lâm…(công lao to lớn của Ngài ?)

 *c. Cảnh quan :*

*\* Nét đẹp về thiên nhiên :*

*-* Địa hình, địa chất phức tạp của khu vực đã kiến tạo nên các điểm cảnh quan kỳ vĩ, như thác Ngự Dội, thác Vàng, thác Bạc, cổng Trời, đường Tùng, rừng trúc, đỉnh núi Yên Tử…, nơi có những kiến trúc cổ truyền như hòa mình vào thiên nhiên hùng vĩ.

- Khu vực Yên Tử có tổng diện tích tự nhiên khoảng 2686ha...

- Ven lối dẫn lên các chùa, am, tháp thường trồng rất nhiều tùng. Trong khu vực này hiện còn khoảng hơn 200 cây tùng đại thụ, thuộc 4 nhóm quý hiếm, được trồng cách đây khoảng 700 năm. Ngoài đường tùng cổ thụ, rừng trúc ở đây cũng nổi tiếng từ ngàn xưa...

*\* Vẻ đẹp kiến trúc :*

- Khu vực Yên Tử bao gồm một số địa điểm và kiến trúc Phật giáo chính như:

**Chùa Lân :** Chùa Lân xưa được dựng từ thời Trần. Đây vốn là một ngôi chùa lớn, với những công trình đồ sộ. Năm 2002, Chùa Lân (Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử) đã được xây dựng lại.

**Chùa Giải Oan**

**Vườn tháp Huệ Quang (khu tháp Tổ) :** Vườn tháp Huệ Quang nay chỉ còn 64 ngọn tháp và mộ, trong đó có 40 tháp mới được trùng tu năm 2002, 11 tháp đá, 13 tháp gạch, một số ngôi tháp đã bị đổ chỉ còn lại dấu tích. Tháp Tổ Trần Nhân Tông hay còn gọi là Tháp Huệ Quang mặt bằng rộng khoảng 180m2, cao 10m, với 6 tầng, được ghép từ các phiến đá xanh, đặt ở vị trí trung tâm của vườn tháp.

**Chùa Hoa Yên :** Chùa Hoa Yên được dựng từ thời Lý và được tôn tạo nhiều lần trong lịch sử. Chùa tọa lạc trên lưng chừng núi (543m), có : Chùa chính, Nhà tổ, Nhà khách…

**Chùa Một mái :** Chùa Một Mái nằm nép mình bên sườn núi cao. Một nửa chùa ẩn sâu trong hang núi, nửa còn lại phô ra bên ngoài và chỉ có một mái.

**Chùa Bảo Sái :** Chùa Bảo Sái nằm trên sườn núi, Chùa chính có mặt bằng kiến trúc kiểu chữ Đinh, gồm ba gian, hai chái bái đường và một gian hậu cung.

**Chùa Đồng**

Chùa Đồng nằm trên đỉnh cao nhất của núi Yên Tử, đỉnh thiêng Yên Tử (1068m), được đúc từ chất liệu đồng. Mặt bằng kiến trúc của chùa dạng chữ Nhất, kết cấu vững chắc, được đặt trên sập đồng, dạng chân quỳ, dạ cá. Dáng chùa như một bông hoa sen nở, ngự trên sập đồng.

*d. Ý nghĩa của di tích đối với việc phản ánh tiến trình lịch sử của địa phương, đất nước :*

Những giá trị lịch sử - văn hóa đặc biệt của khu di tích đã đưa Yên Tử trở thành một **chốn thiêng** trong đời sống tinh thần của người Việt. Để khẳng định giá trị đặc biệt của di tích, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử là di tích quốc gia đặc biệt.

*+* Hội Yên Tử là lễ hội hành hương vào mùa xuân, bắt đầu từ ngày 10 tháng Giêng hằng năm và kéo dài suốt 3 tháng mùa xuân, là nét đẹp văn hóa của nd ta…

**3. Kết bài:**  Suy nghĩ, ấn tượng